

QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN TỔNG HỢP VÙNG HẠ LƯU LƯU VỰC SÔNG MÊ CÔNG

Nguyễn Hồng Toàn - Tổng Thư ký, Ủy ban sông Mê Công Việt Nam

Vũ Văn Tuấn - Trưởng nhóm Chuyên gia,

Chương trình quy hoạch phát triển vùng hạ lưu lưu vực Mê Công,

Ban Thư ký Ủy hội sông Mê Công

Vấn đề quy hoạch phát triển lưu vực sông hiện là một trong những vấn đề được cộng đồng quốc tế và nhiều quốc gia quan tâm. Nó có vai trò quyết định tới việc sử dụng có hiệu quả tài nguyên nước - một dạng tài nguyên quý giá, "hữu hạn và dễ bị tổn thương" (Hội nghị quốc tế về Nước và Môi trường, Dublin, 1992). Nhiều lưu vực sông trên thế giới đã thực hiện việc quản lý có hiệu quả thông qua hoạt động quy hoạch phát triển lưu vực được tiến hành bởi các Tổ chức lưu vực sông (RBO – River Basin Organization) hoặc Ủy ban lưu vực sông (RBC – River Basin Committee), đặc biệt là đối với các dòng sông liên quốc gia.

Vấn đề quy hoạch phát triển lưu vực sông nói chung và vùng hạ lưu lưu vực sông Mê Công nói riêng có ảnh hưởng trực tiếp tới tất cả các quốc gia ven sông, trong đó có Việt Nam. Bởi vậy, những kết quả nghiên cứu và ứng dụng thực tiễn của hoạt động quy hoạch này cần được lưu ý khi xây dựng các Kế hoạch phát triển trung và dài hạn cũng như khi xây dựng Chiến lược sử dụng và phát triển tài nguyên nước của mỗi quốc gia. Bài báo này giới thiệu những nội dung chính trong Chương trình Quy hoạch phát triển vùng hạ lưu lưu vực sông Mê Công (dưới đây viết tắt là BDP/Basin Development Plan Programme) – một trong những Chương trình trọng điểm của Ủy hội sông Mê Công – thông qua các kết quả thu được của Chương trình BDP trong giai đoạn 1 (2002 – 2006).

1. Vài nét đặc thù của tài nguyên nước ở vùng hạ lưu lưu vực sông Mê Công

Những đặc điểm của tài nguyên nước ở vùng hạ lưu lưu vực Mê Công được mô tả qua nhiều tài liệu của Ủy hội sông Mê Công [17], [19], [32]. Để phục vụ trực tiếp cho những phân tích trong bài báo này, xin nêu tóm tắt vài nét đặc thù sau đây:

Với tổng lượng nước trung bình năm khoảng 475 tỷ mét khối, lượng nước bình quân trên mỗi đầu người dân trong lưu

vực khoảng 8500 m³/người/ năm. Để so sánh, có thể nêu ra giá trị tương ứng về lượng nước bình quân trên mỗi đầu người dân trong lưu vực sông Rhine là 1400 m³/người/năm, sông Nile là 2200 m³/người/năm, sông Dương Tử là 2265 m³/người/năm, sông Hằng là 1700 - 4000 m³/người/năm.

Mức độ khai thác để sử dụng còn tương đối thấp: Lượng nước trung bình được lấy từ sông để sử dụng khoảng 60 tỷ mét khối, bằng khoảng 12% tổng

lượng dòng chảy năm. Lượng nước được điều tiết trong lưu vực để sử dụng cho các hoạt động thủy điện và tưới khoảng dưới 20 tỷ mét khối (khoảng dưới 6% tổng lượng dòng chảy năm).

Các hoạt động sử dụng nước lưu vực sông mục đích kinh tế chiếm tỷ lệ đáng kể: Hoạt động thủy sản trong lưu vực sông Mê Công chiếm tỷ trọng lớn (với giá trị xấp xỉ 2 tỷ đô la Mỹ hàng năm) và cung cấp một lượng protein lớn cho người dân trong vùng. Hoạt động giao thông thủy cũng chiếm ưu thế, đặc biệt trong những vùng mà giao thông đường bộ bị hạn chế.

Dao động dòng chảy trong năm rất lớn: Lượng dòng chảy 3 tháng kiệt nhất chỉ chiếm dưới 10% lượng dòng chảy năm, trong khi lượng dòng chảy 3 tháng lớn nhất lại vượt quá 50% lượng dòng chảy năm.

Vai trò sinh thái quan trọng của vùng ngập lũ: Trong thời kỳ mùa lũ, khoảng từ 1 đến 4 triệu hecta bị ngập, bao gồm cả vùng Biển Hồ (Tonle Sap).

Thiếu nước nghiêm trọng trong mùa khô: Đó là hệ quả của lượng mưa ít và việc khai thác nước quá mức.

Chất lượng nước nói chung còn tốt và chưa phải là vấn đề nghiêm trọng. Tuy nhiên, vấn đề xâm nhập mặn, nhiễm phèn và nhiễm bẩn cục bộ như ở các vùng châu thổ, cũng cần phải đặc biệt chú ý.

Nước ngầm được sử dụng rộng rãi cho các hoạt động phục vụ dân sinh và công nghiệp. Sử dụng nước ngầm cho tưới tuy còn hạn chế song cũng đã được khai thác mở rộng. Tương tác nước mặt – nước ngầm là khá chặt chẽ trong vùng đồng bằng ngập lũ.

Dòng chảy ở vùng thượng lưu: Lượng dòng chảy từ vùng thượng lưu lưu vực

(Trung Quốc và Miến Điện) chiếm khoảng 18% tổng lượng dòng chảy của toàn lưu vực.

2. Định hướng chiến lược phát triển tổng hợp tài nguyên nước vùng hạ lưu lưu vực Mê Công

a. Những nguyên lý trong quản lý tổng hợp tài nguyên nước

Quản lý tổng hợp tài nguyên nước phải đạt được 3 mục tiêu chiến lược sau đây (GWP, 2003):

Phát triển và sử dụng hữu hiệu tài nguyên nước nhằm thu được lợi ích tối đa về kinh tế – xã hội trên cơ sở nguồn nước tự nhiên và đầu tư cho ngành nước.

Công bằng trong các hoạt động phục vụ và sử dụng tài nguyên nước giữa các nhóm kinh tế – xã hội khác nhau nhằm giảm thiểu các mâu thuẫn và tăng cường sự phát triển xã hội bền vững.

Bảo vệ môi trường để đảm bảo cho việc quản lý bền vững tài nguyên nước, tránh cho tài nguyên nước và các hệ sinh thái liên quan bị tổn thương.

b. Các khuynh hướng phát triển trong tương lai của vùng hạ lưu lưu vực sông Mê Công

Trong khoảng thời gian 20 năm tới, vùng hạ lưu lưu vực sông Mê Công (dưới đây viết tắt là LMB/Lower Mekong Basin) sẽ có những thay đổi quan trọng về kinh tế, xã hội và môi trường do những tác động tổng hợp của các yếu tố chính trị, khoa học kỹ thuật, tác động của toàn cầu hoá, của biến đổi khí hậu... Dân số trong vùng LMB được dự kiến sẽ vào khoảng 75 đến 90 triệu người và tương ứng với số người đó thì nhu cầu về thực phẩm, cung cấp nước sạch và năng lượng sẽ tăng lên nhanh chóng như là hệ quả của sự tăng trưởng kinh tế, công nghiệp hoá và đô thị hoá. Để đáp ứng những yêu cầu này, diện tích tưới và nhu

cầu tiêu thụ nước tương ứng được dự kiến tăng lên khoảng 30% trong khi mức tăng về nhu cầu năng lượng cho sử dụng tại chỗ và cho xuất khẩu đòi hỏi lượng nước trữ cần tăng lên khoảng 50 tỷ mét khối.

Những nghiên cứu về các kịch bản phát triển trong vùng LMB [20] cho phép đưa ra một số kết luận sau đây:

Việc xây dựng và vận hành một số đập thủy điện lớn ở vùng thượng lưu lưu vực sẽ làm thay đổi chế độ dòng chảy ở vùng bắc LMB (thuộc Thái Lan và Lào), đặc biệt là những dao động dòng chảy trong thời đoạn ngắn (ngày, giờ) sẽ tăng lên đáng kể. Đối với vùng đồng bằng châu thổ và vùng Biển Hồ, chế độ dòng chảy còn phụ thuộc nhiều vào lượng dòng chảy từ các chi lưu lớn trong vùng LMB.

Việc vận hành các công trình trữ nước trong lưu vực (kể cả ở thượng và hạ lưu lưu vực) sẽ góp phần điều tiết nước trong năm (tích nước trong mùa lũ để sử dụng trong mùa kiệt) và do đó sẽ làm tăng lượng nước tưới và điều kiện giao thông thủy trong mùa khô. Tuy nhiên, việc trữ nước trong các công trình cũng có ảnh hưởng tới khai thác thủy sản, làm giảm quy mô và thời gian ngập của vùng đồng bằng ngập lũ và ảnh hưởng tới hệ sinh thái đất ngập nước (đặc biệt là trong những năm nước nhỏ).

Việc khai thác và lấy nước từ sông qua các công trình để phát triển tưới sẽ làm giảm lượng dòng chảy trong mùa khô và do đó làm tăng diện tích của vùng bị nhiễm mặn.

Sự phát triển trong vùng đồng bằng ngập lũ có khả năng làm thay đổi chế độ dòng chảy tự nhiên trong vùng ngập lũ.

Những tác động của sự phát triển tới dòng chảy sông Mê Công là đáng kể,

song với mức độ phát triển như hiện nay chưa làm thay đổi bản chất của dòng chảy tự nhiên trong dòng chính Mê Công cũng như tới vai trò điều tiết của Biển Hồ. Tuy nhiên, những tác động tới các hệ sinh thái địa phương - đặc biệt là đối với vùng đồng bằng ngập lũ - cần được đánh giá chi tiết để đảm bảo việc quản lý và phát triển bền vững tài nguyên nước.

c. Những ưu tiên chiến lược trong quản lý tổng hợp tài nguyên nước vùng LMB

Những ưu tiên chiến lược trong quản lý tổng hợp tài nguyên nước vùng LMB được xác định bao gồm 8 lĩnh vực chính sau đây:

(1) *Phát triển kinh tế và xoá đói giảm nghèo*: Nhằm đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế qua việc sử dụng và phát triển phối hợp tài nguyên nước theo phương thức giảm nghèo ở mức tối đa.

(2) *Bảo vệ môi trường*: Nhằm bảo vệ được môi trường, các tài nguyên thiên nhiên, hệ sinh thái thủy sinh và cân bằng sinh thái của lưu vực sông Mê Công trước những tác động của sự phát triển.

(3) *Phát triển và công bằng xã hội*: Nhằm đảm bảo được sự công bằng trong sử dụng tài nguyên nước giữa các nhóm kinh tế - xã hội khác nhau, làm giảm sự mâu thuẫn và đảm bảo sự phát triển xã hội bền vững.

(4) *Tác động của biến đổi khí hậu*: Nhằm giảm thiểu tối đa những tổn thất về sinh mạng và tài sản của con người thông qua các biện pháp giảm thiểu và ngăn chặn những tác động của biến đổi khí hậu.

(5) *Tính tổng hợp trong quy hoạch lưu vực*: Thực hiện quá trình quy hoạch lưu vực đa ngành và có sự tham gia của cộng đồng nhằm tổng hợp các tác động kinh tế, xã hội và môi trường trong toàn vùng LMB.

(6) *Quản lý thông tin*: Nhằm đảm bảo rằng các quyết định trong quản lý tài nguyên nước được dựa trên cơ sở các thông tin đầy đủ nhất.

(7) *Hợp tác vùng*: Nhằm tổng hợp và phối hợp các hoạt động quản lý và phát triển tài nguyên nước giữa các quốc gia ven sông để sử dụng tối ưu hoá nguồn tài nguyên và giảm thiểu các mâu thuẫn liên quan đến tài nguyên nước.

(8) *Vấn đề quản lý*: Nhằm mở rộng, tăng cường giám sát các thể chế, luật lệ để đẩy mạnh quá trình quản lý tổng hợp tài nguyên nước ở tất cả các cấp độ quản lý.

d. Quy hoạch chiến lược cho tài nguyên nước vùng LMB

* *Quy hoạch chiến lược cho tài nguyên nước vùng LMB được đặc trưng bởi các đặc điểm sau đây*:

- Mức độ phức tạp cao trong quản lý tài nguyên nước.
- Sự biến động lớn của chu trình thủy văn.
- Cần thiết phải thỏa mãn nhiều đối tượng sử dụng nước khác nhau.
- Thường là những vấn đề có độ nhạy cảm về chính trị.
- Những nội dung của quản lý tài nguyên nước tổng hợp thường biến đổi nhanh chóng.
- Nhu cầu sử dụng bền vững tài nguyên nước và đất, cũng như các tài nguyên liên quan khác.

* *Những cơ hội phát triển chủ yếu bao gồm*:

- Sự tăng trưởng nhanh chóng của nhiều ngành kinh tế chính như nông nghiệp, thủy điện, giao thông, du lịch...
- Nguồn thủy sản có giá trị cao.
- Nhu cầu phát triển tài nguyên nước theo hướng tổng hợp, trên quy mô lưu vực nhằm tăng cường hiệu quả sử dụng

nước, tăng cường hiệu ích kinh tế của nước và các hệ thống sản xuất liên quan đến nước.

- Các hệ sinh thái sông, hồ, đầm lầy, vùng đồng bằng ngập lũ, vùng đầu nguồn, đất ngập nước... hầu hết còn đang ở trạng thái phát triển tốt.

- Còn cơ hội tốt cho việc ngăn chặn (thay vì phải giảm thiểu) những tác động có hại tới môi trường và xã hội do quá trình công nghiệp hoá và đô thị hoá mang lại.

* *Những thách thức cần phải đối mặt*:

Nhu cầu xoá đói giảm nghèo để phát triển cho người dân vùng nông thôn phần lớn có liên quan đến nước.

Nhu cầu về năng lượng và nước cho tưới không ngừng tăng lên.

Nhu cầu bảo vệ các vùng đất ngập nước, nguồn lợi thủy sản, đa dạng sinh học.

Nhu cầu bảo vệ vùng đồng bằng như một vùng sinh thái nước ngọt quan trọng.

Hệ quả của mức sống thay đổi: Gia tăng nhu cầu về năng lượng, thực phẩm và nước, gia tăng lượng chất thải trên mỗi đầu người.

Áp lực dân số (bao gồm cả sự gia tăng tự nhiên và chuyển đổi do quá trình đô thị hoá), sự mất cân bằng giữa hoạt động nông nghiệp và các hoạt động kinh tế khác.

Nạn phá rừng để khai thác gỗ và mở rộng diện tích canh tác đã gây ra nhiều hệ quả xấu về phương diện thủy văn như tăng dòng chảy lũ, giảm dòng chảy kiệt, tăng lượng bồi lắng, hạn chế giao thông, gây xói lở bờ và gia tăng các hiểm họa do lũ và hạn.

Nhiễm bẩn do hoá chất trong nông nghiệp, gây ảnh hưởng tới chất lượng thủy sản và lương thực.

Những tác động do điều tiết dòng

chảy gây nên như bất lợi trong sử dụng đất (thay đổi điều kiện cư trú của cá), ngăn chặn các tuyến di trú của cá, giảm bớt năng lực trữ nước của vùng đồng bằng ngập lụt, gây xói lở bờ sông...

Những hiểu biết phiến diện về mối quan hệ nhân quả giữa các phương thức quản lý như quan hệ nước mặt – nước ngầm, dòng chảy môi trường, thiệt hại và lợi ích của lũ, diễn biến hình thái sông...

Mối quan hệ thượng và hạ lưu giữa các đối tượng sử dụng nước.

Những khía cạnh sau đây cần được lưu ý trong quy hoạch chiến lược tài nguyên nước cho vùng LMB:

Cần có những tiêu chí mới cho việc sử dụng hữu hiệu tài nguyên nước: Mức độ hữu hiệu trong sử dụng tài nguyên nước (số đơn vị sản phẩm được sinh ra bởi sử dụng 1m³ nước) phải được đánh giá theo tiêu chuẩn quốc tế cũng như là so sánh với hệ số kinh tế của sử dụng nước (giá trị sinh ra từ 1m³ nước).

Đảm bảo sự cân bằng giữa các ngành và giữa các đối tượng sử dụng nước: Lợi ích của các đối tượng sử dụng nước có thể được biểu thị qua các mối quan hệ thượng - hạ lưu, các giá trị kinh tế dài hạn - ngắn hạn, mức ưu tiên giữa đô thị - nông thôn...

Xoá đói giảm nghèo và nâng cao mức sống vùng nông thôn: Hầu hết sự phát triển kinh tế đều gắn với công cuộc xoá đói, giảm nghèo thông qua các hoạt động nông nghiệp có tuổi, thủy sản, du lịch, cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường... thông qua việc phát triển hạ tầng cơ sở giao thông, mở rộng thị trường.

Sự tham gia của cộng đồng: Có thể nói rằng “tổng hợp và sự tham gia của cộng đồng là nhân tố quyết định cho sự thành công của hoạt động quản lý tổng

hợp tài nguyên nước”. Ngày nay, có một xu thế rõ ràng về sự tham gia trực tiếp của cộng đồng vào quá trình ra quyết định cũng như là vào việc quản lý nước hàng ngày thông qua hoạt động của các RBO/RBC.

Quy hoạch sử dụng đất – nước và giải quyết mâu thuẫn phát sinh: Với việc quản lý đất hợp lý thông qua các hình thức thuế tài nguyên thích hợp, tài nguyên rừng và tài nguyên nước được bảo vệ sẽ góp phần giải quyết được các mâu thuẫn, tranh chấp phát sinh trong cộng đồng.

3. Chương trình Quy hoạch phát triển vùng hạ lưu lưu vực Mê Công (BDP)

Theo Hiệp định Mê Công 1995, Quy hoạch phát triển lưu vực (BDP) là công cụ và quá trình lập quy hoạch tổng quát mà Ủy ban Liên hợp của Ủy hội sông Mê Công sử dụng để xác định, phân loại và ưu tiên các dự án/chương trình để tìm viện trợ và thực hiện quy hoạch đó ở cấp lưu vực.

a. Mục tiêu của Chương trình BDP

Mục tiêu tổng quát của Chương trình BDP là “Phát triển bền vững tài nguyên nước và các tài nguyên liên quan khác trong lưu vực sông Mê Công vì lợi ích chung của các quốc gia ven sông và của người dân sống trong toàn lưu vực”. Sản phẩm của Chương trình sẽ cung cấp khung thể chế về hợp tác vùng giữa các quốc gia thành viên để phát triển lưu vực sông Mê Công qua việc thực hiện Chương trình BDP.

Mục tiêu phát triển này chính là phản ánh việc hướng tới một lưu vực sông Mê Công “thịnh vượng về kinh tế, công bằng về xã hội và trong sạch về môi trường”.

b. Phạm vi của Chương trình BDP

Đối tượng quan tâm của Chương trình BDP bao gồm 8 lĩnh vực sau đây: (1) Nông nghiệp có tưới, (2) Quản lý lưu vực, (3) Thủy sản, (4) Thủy điện, (5) Giao thông thủy và các công trình trị sông, (6) Du lịch – giải trí có liên quan đến nước, (7) Cấp nước sinh hoạt và công nghiệp, (8) Quản lý và chống lũ. Các lĩnh vực được quan tâm trong Chương trình BDP bao gồm: (1) Môi trường, (2) Phát triển nguồn nhân lực, (3) Kinh tế – xã hội và (4) Sự tham gia của cộng đồng.

c. Các quá trình phải thực hiện trong BDP

Các nội dung trong Chương trình BDP bao gồm 3 quá trình diễn ra đồng thời:

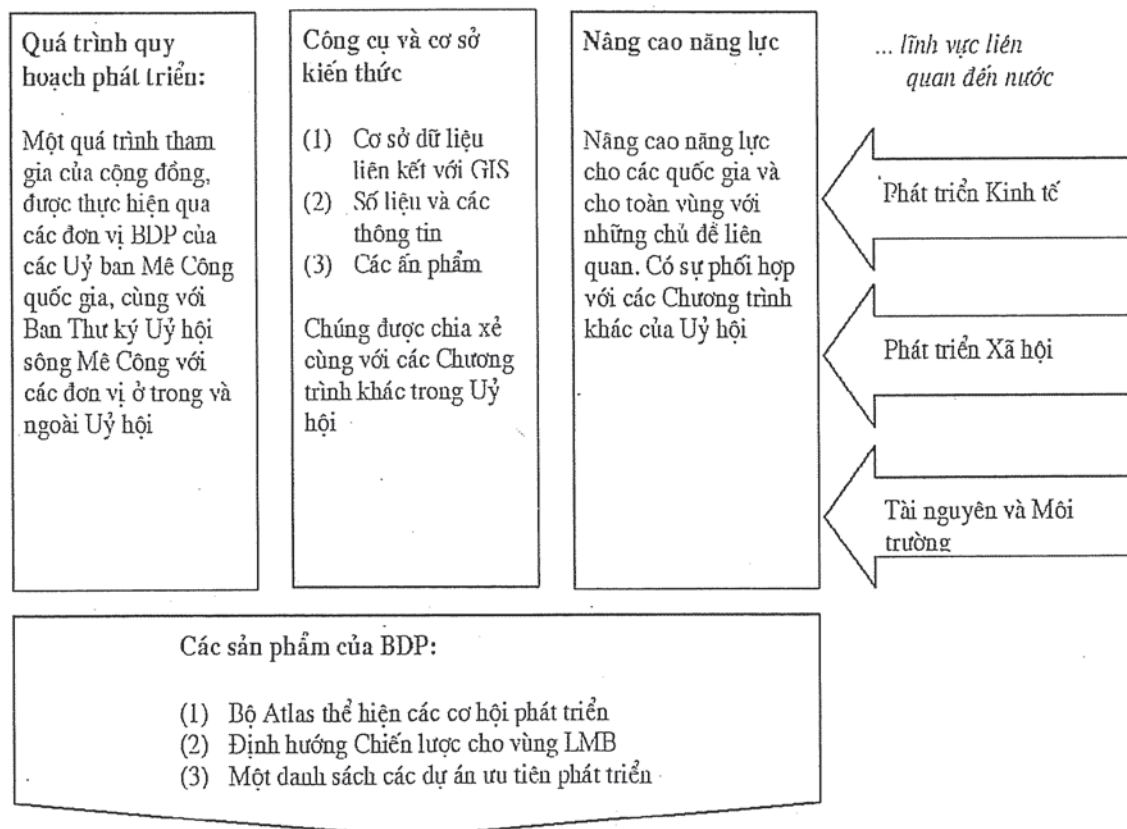
Quá trình quy hoạch gồm 5 bước: (1)

Nghiên cứu và phân tích mức độ phát triển chi tiết ở cấp tiểu vùng và cấp vùng, (2) Phân tích các kịch bản phát triển và những hạn chế của chúng, (3) Hình thành định hướng chiến lược phát triển tổng hợp tài nguyên nước (dưới đây viết tắt là IWRM – *Integrated Water Resources Management*) cho vùng LMB, (4) Xây dựng Cơ sở dữ liệu các dự án – chương trình phát triển cho vùng LMB và (5) Chuẩn bị danh sách các dự án – chương trình ưu tiên để thực hiện.

Quá trình phát triển các công cụ và cơ sở kiến thức.

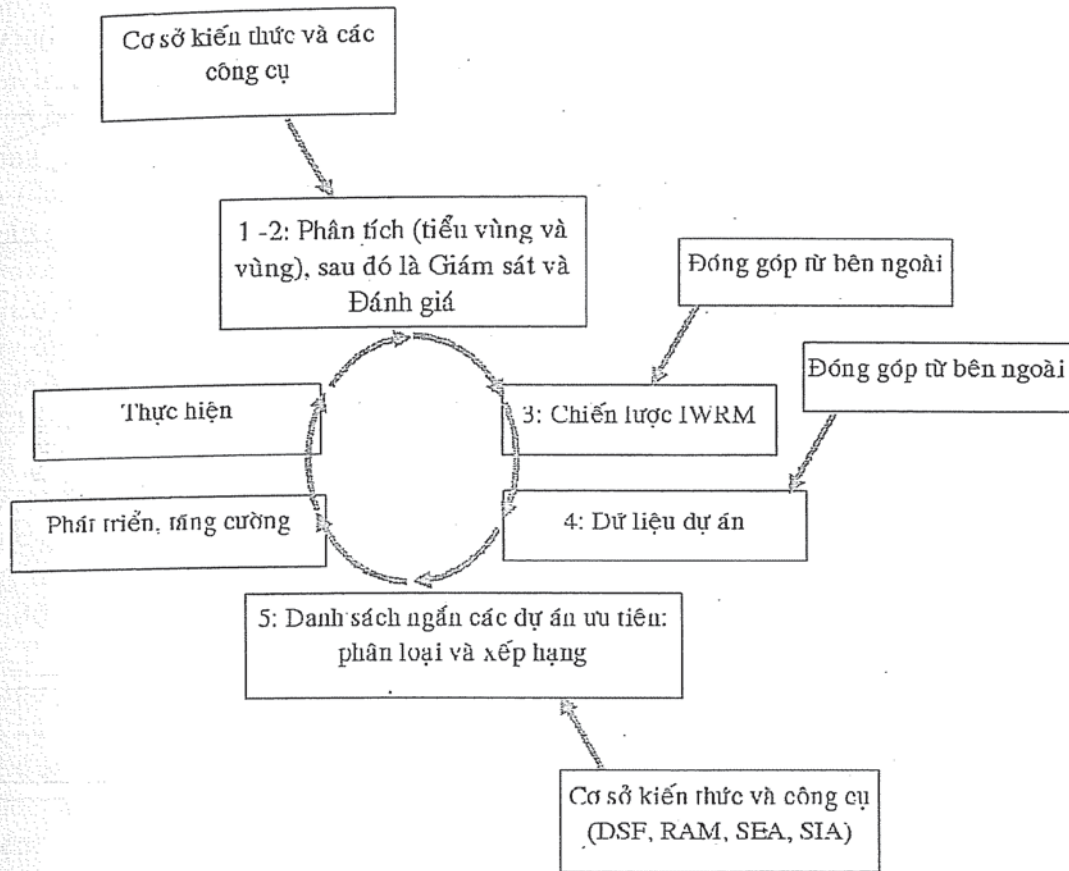
Quá trình nâng cao năng lực ở cấp quốc gia và cấp vùng.

Ba quá trình đó được thể hiện trong mối tương tác với các yêu cầu và sản phẩm của BDP như nêu trong hình 1.



Hình 1. Ba quá trình trong BDP

Quá trình quy hoạch trong BDP được thực hiện liên hoàn trong một chu trình khép kín và nó được biểu thị qua hình 2.



Hình 2. Chu trình quy hoạch của BDP

d. Vai trò của Chương trình BDP trong Ủy hội sông Mê Công

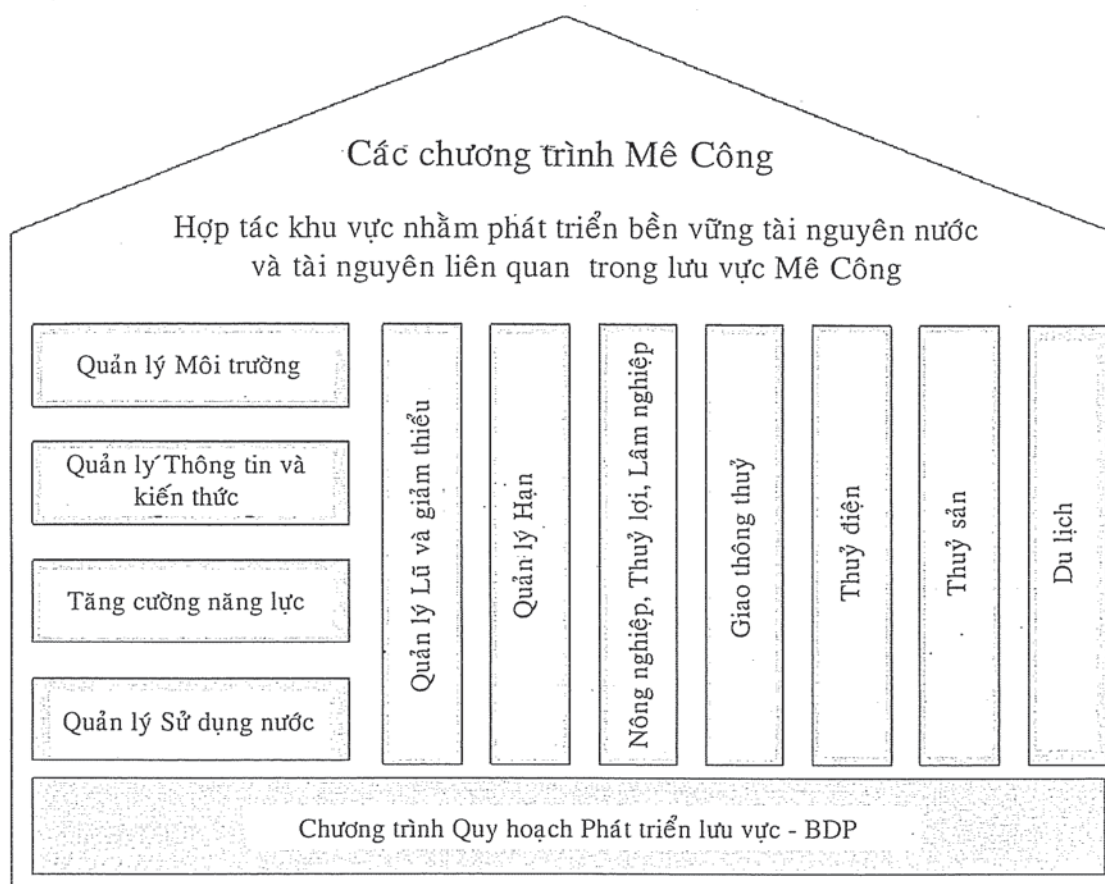
Trong tài liệu dự thảo Chiến lược của Ủy hội sông Mê Công giai đoạn (2006 – 2010) đã xác định vị trí của Chương trình BDP trong tổng thể các hoạt động và quan hệ với các Chương trình khác của Ủy hội như nêu trong hình 3 (trích nguyên hình trong tài liệu nói trên – không sửa chữa).

e. Các mục tiêu và hoạt động chính trong giai đoạn 1 của Chương trình BDP (10/2001 – 07/2006)

Theo yêu cầu nêu ra trong văn kiện chính của Chương trình BDP giai đoạn 1

được thống nhất bởi 5 nhà tài trợ (Đan Mạch, Thụy Điển, Thụy Sĩ, Úc và Nhật Bản) thì các hoạt động chính của Chương trình BDP tương ứng với hai mục tiêu là:

Mục tiêu 1: Xây dựng và triển khai quá trình quy hoạch lưu vực có sự tham gia của cộng đồng, bao gồm 6 hoạt động: (1) Xây dựng quá trình quy hoạch, (2) Xây dựng các tài liệu kỹ thuật, (3) Xây dựng hệ thống dữ liệu, (4) Đào tạo cán bộ, (5) Lập các báo cáo và (6) Tổ chức các hội nghị, hội thảo và diễn đàn với sự tham gia rộng rãi của cộng đồng.



Hình 3. Vị trí của BDP trong tổng thể các hoạt động và quan hệ với các Chương trình khác của Ủy hội sông Mê Công

Mục tiêu 2: Dự thảo và chấp thuận một quy hoạch phát triển vùng hạ lưu vực đảm bảo sự cân bằng giữa kinh tế, xã hội và môi trường, bao gồm 7 hoạt động: (1) Nghiên cứu tiểu vùng, (2) Xây dựng các kịch bản phát triển theo bước thời gian 20 năm, (3) Chiến lược phát triển các tiểu vùng, (4) Chiến lược phát triển toàn vùng hạ lưu lưu vực, (5) Lập danh sách các dự án phát triển, (6) Lựa chọn các dự án ưu tiên và (7) Lập kế hoạch thực hiện.

4. Một số kết quả chính của Chương trình BDP giai đoạn 1

a. Các hoạt động ứng với mục tiêu 1

1) Xây dựng quá trình quy hoạch

Với mục tiêu là hỗ trợ và tổng hợp

các mức độ quy hoạch ở cấp tiểu vùng, quốc gia và toàn vùng LMB, Chương trình BDP đã xây dựng được một tập hợp các tài liệu cần thiết cho công tác quy hoạch vùng như: Tổng quan phát triển của các ngành trong vùng và trong từng quốc gia, các báo cáo nghiên cứu tiểu vùng, đánh giá các dự án cần thiết của từng quốc gia trong vùng. Tham gia vào các hoạt động của Chương trình BDP trong giai đoạn 1 có hơn 200 đơn vị liên quan của 4 quốc gia, các Chương trình ngành trong Ủy hội, Ban Thư ký Ủy hội và nhiều tổ chức quốc tế có liên quan (như IUCN, WWF, ADB, WB, MDBC...)

Một số sản phẩm quan trọng của hoạt động này là:

Tài liệu Chu trình quy hoạch trong BDP [18] đã được phê duyệt tại cuộc họp lần thứ 22 của Ủy ban liên hợp (8/2005), trong đó chỉ rõ các bước của chu trình quy hoạch, thiết lập và lựa chọn dự án. Trong đó, quy trình 8 bước trong giai đoạn từ Danh sách dài các dự án (danh sách đề xuất) đến Danh sách ngắn các dự án (danh sách các dự án ưu tiên) cũng được xây dựng cụ thể.

Cơ sở dữ liệu các dự án: Cơ sở dữ liệu này được thiết lập từ đầu năm 2005 để quản lý các dự án trong khuôn khổ của BDP và sau đó được phát triển để sử dụng chung cho các dự án trong phạm vi toàn vùng hạ lưu vực. Hiện nay, khi kết thúc giai đoạn 1 của BDP, Cơ sở dữ liệu này đã ghi nhận được 406 dự án.

Bộ công cụ đánh giá và phân loại dự án: Bộ công cụ này bao gồm các công cụ thành phần về đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường. Nó được sử dụng để đánh giá, lựa chọn và phân loại dự án trước khi kiến nghị cho tổ chức thực hiện.

2) Xây dựng các tài liệu kỹ thuật

Trong quá trình thực hiện Chương trình đã có nhiều tài liệu được soạn thảo dưới dạng hướng dẫn kỹ thuật, báo cáo định kỳ, biên bản hội nghị, hội thảo, các bản đồ... Những tài liệu này được tập hợp trong CD 'Tài liệu lưu trữ của BDP' mà version 3 của nó chứa đựng 281 tài liệu (5/2005). Do khối lượng tài liệu lưu trữ tương đối lớn nên để thuận tiện cho việc tra cứu các kết quả của BDP, bộ 'Thư viện BDP' được hoàn thành vào đầu năm 2006 với 15 tập, trong đó tập 3 'Nghiên cứu các tiểu vùng quốc gia' bao gồm 13 tập riêng tương ứng với 13 tiểu vùng quốc gia. Danh sách các tài liệu trong Thư viện BDP bao gồm :

Quá trình quy hoạch (150 trang).

Phân tích tiểu vùng và vấn đề quy hoạch xuyên biên giới (87 trang).

Báo cáo nghiên cứu tiểu vùng (13 tập, với tổng số 1410 trang).

Các kịch bản phát triển phục vụ cho quy hoạch chiến lược (148 trang).

Tham gia của cộng đồng (52 trang).

Hệ thống dữ liệu và cơ sở kiến thức (73 trang).

Khung hỗ trợ quyết định (DSF) và ứng dụng trong BDP (138 trang).

Đánh giá kinh tế của tài nguyên nước (ứng dụng của RAM) (96 trang).

Vấn đề đánh giá xã hội và môi trường (SIA, SEA) (38 trang).

Chiến lược Quản lý tổng hợp tài nguyên nước cho vùng hạ lưu vực Mê Công (107 trang).

Một số chuyên khảo trong BDP (201 trang).

Đánh giá chất lượng và thực hiện dự án (79 trang).

Tổng quan ngành của các quốc gia (268 trang).

Tổng quan ngành của toàn vùng (210 trang).

Vấn đề đào tạo (92 trang).

Một số tài liệu trong BDP có thể được tra cứu trên mạng (www.mekonginfo.org), qua các đĩa CD hoặc trên trang Web của Ủy hội sông Mê Công. Một số lượng hạn chế ấn phẩm dưới dạng giấy cũng đã được in ấn, tuy nhiên khi sử dụng cần lưu ý về thời điểm biên soạn ấn phẩm để đảm bảo tính cập nhật của các tài liệu này.

3) Xây dựng hệ thống dữ liệu

Như đã nêu trên, một Cơ sở dữ liệu các dự án đã được xây dựng và được cập nhật thường xuyên trong Chương trình BDP. Cho đến thời điểm kết thúc giai đoạn 1 (dự kiến vào cuối tháng 7/ 2006),

nó bao gồm 406 dự án, trong đó có 69 dự án được phối hợp đề xuất bởi ít nhất từ 2 quốc gia trở lên, 250 dự án do từng quốc gia đề xuất (trong đó, Cambodia có 115 dự án, Lào có 91 dự án, Thái Lan có 09 dự án và Việt Nam có 35 dự án), 25 dự án do Ban Thư ký đề xuất, 40 dự án đang thực hiện trong khuôn khổ của Ủy hội và 22 dự án do các quốc gia thông báo thực hiện. Một cơ sở dữ liệu khác về các công trình thủy điện trong vùng LMB cũng được xây dựng với các thông số kỹ thuật do các quốc gia cung cấp. Cơ sở dữ liệu này bao gồm 90 dự án thủy điện (đã, đang và sẽ xây dựng trong vùng LMB).

Kết quả phân tích các kịch bản phát triển và các kết quả phân tích chỉ tiêu kinh tế thông qua mô hình RAM cũng được thực hiện trên cơ sở các dữ liệu trong hệ thống này.

4) Đào tạo cán bộ

Việc đánh giá nhu cầu đào tạo được tiến hành trong tất cả các quốc gia ven sông và trên cơ sở đó đã tiến hành 11 khoá đào tạo vùng và các lớp đào tạo trong từng quốc gia. Một chương trình đào tạo dài hạn đã được thực hiện với kết quả là đã có 6 nghiên cứu sinh hoàn thành chương trình Cao học và nhận bằng Thạc sĩ. Một chương trình đào tạo phối hợp giữa BDP và Ủy hội sông Murray – Darling (MDBC - Australia) đã được tiến hành bao gồm 4 hợp phần: (1) Giới thiệu về vấn đề quy hoạch lưu vực; (2) ứng dụng các nguyên lý quy hoạch lưu vực; (3) Quy hoạch theo các kịch bản phát triển cho vùng lưu vực sông Mê Công và (4) Khảo sát thực địa vùng LMB và vùng Biển Hồ (Tonle Sap). Một chương trình đào tạo phối hợp khác giữa BDP và MDBC cũng đã được chuẩn bị xong phần giáo trình, bao gồm 8 hợp phần và đã được triển khai giảng dạy thử nghiệm tại Ban Thư ký vào

tháng 10/2005. Chương trình này sẽ được hoàn thiện và triển khai tới tất cả các quốc gia ven sông trong giai đoạn 2 của BDP.

5) Lập các báo cáo

Tổng hợp các báo cáo (bao gồm báo cáo kỹ thuật, báo cáo định kỳ, biên bản các cuộc họp điều phối, các bản trình bày...) đã được hệ thống lại trong CD "BDP Library" với 15 báo cáo kỹ thuật chính, 100 báo cáo thành phần, 56 bản trình bày (dưới dạng PowerPoint), 8 báo cáo hoạt động định kỳ theo thời hạn 6 tháng một lần của BDP, 18 biên bản họp của các Hội nghị điều phối cùng với các CD kỹ thuật khác như: Atlas về xã hội trong vùng LMB, Atlas con người và môi trường trong vùng LMB, Atlas quy hoạch của 10 tiểu vùng.

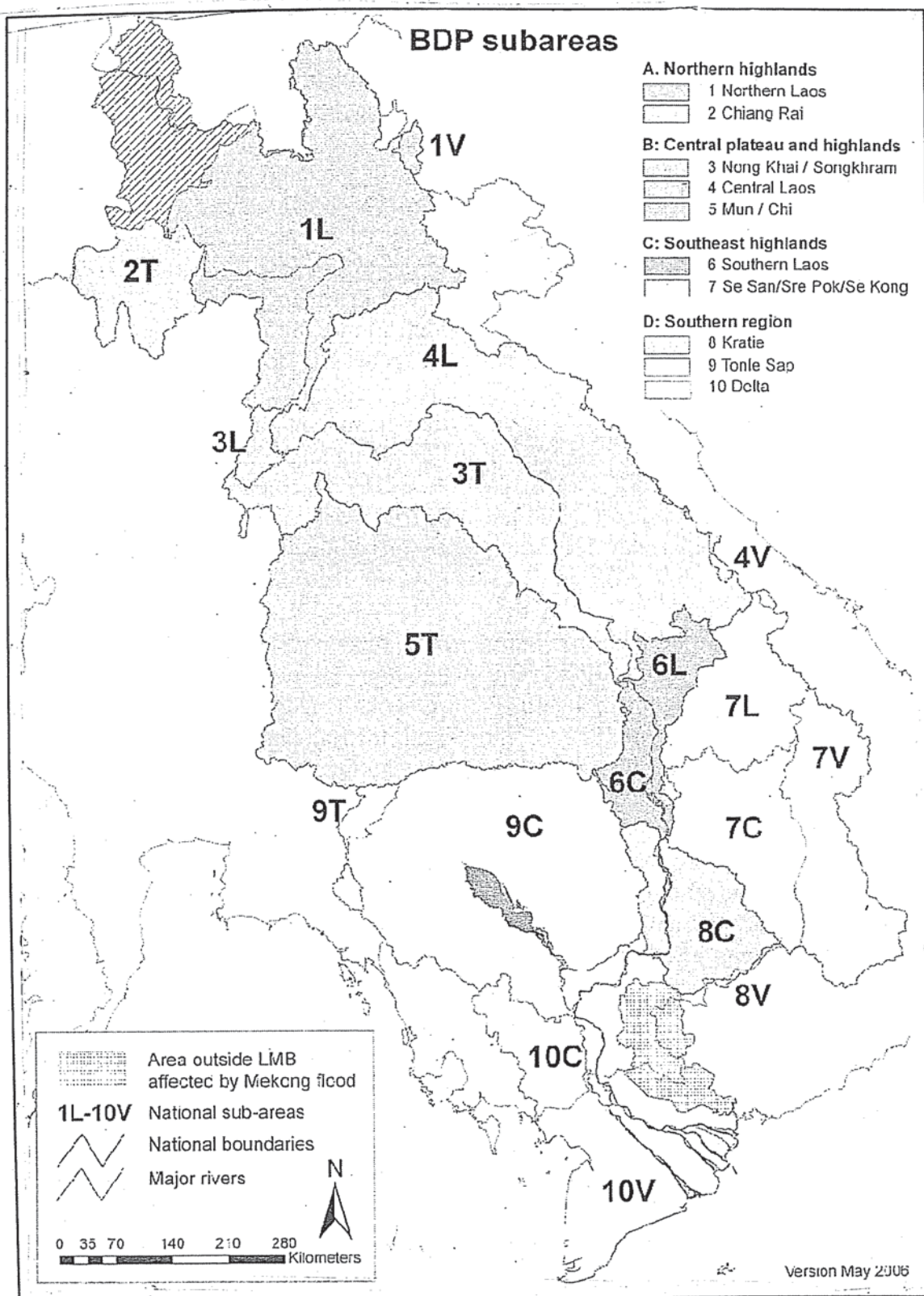
6) Tổ chức các Hội nghị, hội thảo và diễn đàn với sự tham gia rộng rãi của cộng đồng

Trong giai đoạn 1, BDP đã tổ chức 50 hội thảo tư vấn vùng (bao gồm cả 4 quốc gia), 19 hội nghị điều phối, 5 khoá đào tạo vùng, 95 hội thảo tư vấn quốc gia theo những chủ đề cụ thể (như thảo luận về định hướng chiến lược phát triển của vùng LMB, chiến lược phát triển thủy điện...), 113 hội thảo tiểu vùng quốc gia, 13 hội thảo về các dự án xuyên biên giới. Tại mỗi tiểu vùng quốc gia đã tổ chức được 2 diễn đàn giữa các cộng đồng sử dụng nước có liên quan trong vùng.

b. Các hoạt động ứng với mục tiêu 2

1) Nghiên cứu tiểu vùng

Như đã trình bày trên, quy hoạch vùng LMB dựa trên cơ sở tiểu vùng. Mười tiểu vùng đã được BDP xác định trên cơ sở phân chia theo các lưu vực bộ phận như trình bày trong hình 4.



Hình 4. Phân định 10 tiểu vùng trong quy hoạch của Chương trình BDP [18]

Do đó, các bước thu thập dữ liệu để nghiên cứu được tiến hành từ cấp tiểu vùng. Trên cơ sở đó, toàn bộ các dữ liệu tiểu vùng đã được tập hợp lại qua 10 CD với 14 chủ đề: (1) Giới thiệu tiểu vùng, (2) Dân số và điều kiện kinh tế – xã hội, (3) Tài nguyên nước, (4) Các đặc trưng vật lý và môi trường, (5) Quy hoạch tiểu vùng và BDP, (6) Các ngành kinh tế chính liên quan đến nước (bao gồm 7 lĩnh vực chính: Nước cho nông nghiệp có tưới, thủy sản; du lịch, thủy điện, giao thông thủy, cấp nước và vệ sinh môi trường, phòng chống lũ), (7) Vấn đề quản lý lưu vực, (8) Phân tích SWOT điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức), (9) Xác định những vấn đề có tác động xuyên biên giới trong tiểu vùng, (10) Các kịch bản phát triển của tiểu vùng, (11) Chiến lược phát triển tiểu vùng, (12) Các dự án đề xuất trong tiểu vùng, (13) Một số trường hợp nghiên cứu điển hình và (14) Các nguồn thông tin để xây dựng CD.

2) Xây dựng các kịch bản phát triển cho bước thời gian 20 năm

Việc phân tích các kịch bản cho bước thời gian 20 năm trong toàn vùng LMB được thực hiện nhờ sử dụng các công cụ được phát triển trong Ban Thư ký. Bộ mô hình trong Khung hỗ trợ quyết định (DSF/Decision Support Framework) do Chương trình Sử dụng nước xây dựng được sử dụng để mô phỏng sự tác động của các kịch bản phát triển tới diễn biến của tài nguyên nước trong vùng LMB. Năm kịch bản phát triển đã được phân tích: (1) Kịch bản cơ sở, (2) Kịch bản phát triển các hồ chứa thượng lưu (vùng UMB), (3) Kịch bản phát triển tưới tối đa, (4) Kịch bản phát triển thấp và (5) Kịch bản phát triển cao. Với mỗi kịch bản, các hệ quả tác động sau đây được

phân tích: (1) Khả năng giao thông thủy, (2) Vấn đề nhiễm mặn, (3) Vấn đề lũ, (4) Tổn thất mùa màng do lũ, (5) Khả năng cư trú của cá, (6) Thay đổi sản lượng thủy sản, (7) Vấn đề môi trường. Việc đánh giá lại giá trị kinh tế của nước theo 4 kịch bản cũng đã được tiến hành trong BDP nhờ sử dụng bộ mô hình RAM (*Resources Allocation Model*), đó là các kịch bản: Cơ sở, Phát triển thấp, Phát triển tưới tối đa và Phát triển cao.

Trong giai đoạn 2 của Chương trình BDP, việc phân tích kịch bản sẽ được tiến hành với những kịch bản chi tiết hơn, tương ứng với việc thực hiện các dự án cụ thể được đề xuất.

3) Chiến lược phát triển các tiểu vùng

Các chiến lược phát triển tiểu vùng được xem xét theo với các kịch bản phát triển. Trong đó, việc phân tích SWOT là một công cụ phân tích hữu hiệu đã được tiến hành với từng tiểu vùng. Tuy nhiên, việc phân tích này mới chỉ được tiến hành tại Ban Thư ký thông qua các dữ liệu thu thập được từ các tiểu vùng, cần thiết phải được thảo luận chi tiết hơn ở cấp tiểu vùng của từng quốc gia. Đây cũng là một nội dung sẽ được tiến hành trong giai đoạn 2 của Chương trình BDP.

4) Chiến lược phát triển vùng hạ lưu vực

Tài liệu “Định hướng chiến lược theo phương thức quản lý tổng hợp tài nguyên nước (IWRM) cho vùng hạ lưu lưu vực Mê Công” đã được Chương trình BDP xây dựng và đã được Hội đồng của Ủy hội thông qua tại phiên họp lần thứ 12 (tháng 12/2005). Tài liệu này là cơ sở cho việc xây dựng Kế hoạch Chiến lược 5 năm (2006 – 2010) của Ủy hội sông Mê Công. Định hướng chiến lược phát triển theo IWRM cho vùng LMB đã được xác định cho việc phát triển và tăng trưởng kinh tế, phát triển xã hội,

bảo vệ môi trường, phát triển thể chế và phát triển nguồn nhân lực cho toàn vùng LMB.

5) *Lập danh sách các dự án phát triển (danh sách dài)*

Cơ sở dữ liệu các dự án được xây dựng và cập nhật liên tục trong BDP. Cho đến thời điểm kết thúc giai đoạn 1 (dự kiến vào cuối tháng 7/2006), có 406 dự án được lưu trữ trong Cơ sở dữ liệu. Version thứ 2 của cơ sở dữ liệu đã được xây dựng để phục vụ cho việc tra cứu, phân loại, sắp xếp các dự án theo từng chủ đề. Việc xuất bản cơ sở dữ liệu dưới dạng giấy cũng đang được xem xét và sẽ được tiến hành trong giai đoạn 2 của Chương trình.

6) *Lựa chọn các dự án ưu tiên (danh sách ngắn)*

Việc lựa chọn các dự án ưu tiên được thực hiện qua 5 tiêu chí sau đây: (1) Phù hợp với Chiến lược phát triển, (2) Thuộc loại ưu tiên của quốc gia và được các quốc gia ven sông khác ủng hộ, (3) Tính hiệu quả của dự án thông qua phân tích tiềm năng, lợi ích – chi phí, (4) Tính hoàn chỉnh của dự án để có thể thông qua và (5) Tính khả thi. Việc lựa chọn các dự án được phân loại thành 5 mức: (1) Thực hiện ngay, (2) Kiến nghị, (3) Cần phát triển, (4) Chuẩn bị thêm và (5) Xây dựng lại.

Để phục vụ cho việc phân tích tính hiệu quả của dự án (tiêu chí số 3 trên đây), một bộ công cụ phân tích (*Screening Toolkits*) đã được xây dựng dưới dạng một hệ thống các câu hỏi để trả lời và căn cứ vào đó để phân loại. Bộ công cụ này còn phải được tiếp tục hoàn thiện trong giai đoạn 2 của Chương trình BDP.

7) *Lập kế hoạch thực hiện*

Việc lập kế hoạch thực hiện các dự án ưu tiên trong giai đoạn này mới chỉ ở mức sơ bộ vì nội dung của kế hoạch thực hiện sẽ phụ thuộc rất nhiều vào nguồn tài trợ (mỗi quốc gia tài trợ dự án thường có những yêu cầu riêng về xây dựng kế hoạch thực hiện, về cấu trúc của báo cáo dự án khả thi – và tiền khả thi – nếu cần). Do đó, trong giai đoạn 1 của BDP mới chỉ xây dựng kế hoạch thực hiện cho một dự án trong danh sách ngắn (mang tính minh họa sản phẩm).

5. Những bài học kinh nghiệm qua việc thực hiện Chương trình BDP giai đoạn 1

a. Những bài học tổng quát

Việc ứng dụng phương thức quản lý tổng hợp tài nguyên nước (IWRM) ở mỗi quốc gia có phạm vi biến đổi rất rộng, từ khâu chuyển đổi phương thức, phát triển, củng cố và tăng cường. Điều này đòi hỏi việc giám sát và thích nghi liên tục để có thể duy trì và phát hiện các tác động có thể có trong quá trình thực hiện BDP.

Việc ra quyết định trong quá trình thực hiện BDP là khó khăn hơn nhiều so với dự kiến ban đầu, đòi hỏi có sự hợp tác chặt chẽ giữa các nước trong Ủy hội, các chương trình trong Ủy hội thông qua quá trình tư vấn tương đối dài mặc dù các đối tác có thiện chí hợp tác.

Phương thức quy hoạch theo kịch bản phát triển không phải được áp dụng thường xuyên đối với các quốc gia trong quá trình lập quy hoạch. Do đó, việc hình thành kịch bản – kể cả ở mức tiểu vùng cũng như ở mức vùng LMB – là tương đối mới và đòi hỏi nhiều thời gian hơn dự kiến ban đầu, chưa kể đến việc tồn tại sự hiểu khác nhau về định nghĩa kịch bản...

Nhiều phương thức thực hành đã được xây dựng trong BDP như việc xây dựng

các công cụ đánh giá để lựa chọn, phân tích dự án. Tuy nhiên, cần có thêm thời gian để hoàn thiện các công cụ này.

Vấn đề trao đổi và cập nhật thông tin từ các Ủy ban sông Mê Công quốc gia có ảnh hưởng rất lớn tới quá trình quy hoạch vùng. Khi xuất hiện sự thay đổi chính sách ở một địa phương nào đó - trong một khoảng thời gian nào đó - có thể không nhất thiết có tác động ngay tới toàn bộ quá trình của BDP song có thể nhận thấy sau một khoảng thời gian nào đó. Vấn đề này còn có thể tác động mạnh mẽ hơn khi mà các Ủy ban lưu vực sông triển khai mạnh các hoạt động của mình.

Vấn đề tham gia của cộng đồng, bao gồm nhiều đối tác khác nhau (các tổ chức phi chính phủ, các viện nghiên cứu, các cơ quan truyền thông, các tổ chức quần chúng...) cũng cần được mở rộng và tăng cường.

Việc tổ chức thực hiện những dự án thử nghiệm "kiểu BDP" cho những khu vực hẹp hơn là cần thiết để có thể đánh giá hiệu quả thu được.

Vấn đề phối hợp giữa BDP với các chương trình khác của Ủy hội có tầm quan trọng rất lớn.

Vấn đề quản lý chất lượng các kết quả thu được cần phải được tuân thủ chặt chẽ (xem thêm tài liệu [1]).

Một số khái niệm trong việc phân loại và cấu trúc theo ngành của BDP và theo các chương trình trong Ủy hội sông Mê Công cần có sự thống nhất, chẳng hạn vấn đề quản lý hạn, quản lý hình thái, quản lý dòng chảy...

Đảm bảo tính pháp lý quốc tế.

b. Về vấn đề Quy hoạch phát triển

1) Về phân tích tiểu vùng: Nhìn chung, vấn đề phân tích tiểu vùng đã được đánh giá là rất thành công. Nó là một nội

dung không thể thiếu được trong các hoạt động của BDP và đã được sử dụng rộng rãi ở trong và ngoài các chương trình của Ủy hội sông Mê Công. Những bài học kinh nghiệm chính là:

Việc phác thảo và xác định tiểu vùng đã diễn ra sau một quá trình tham gia rộng rãi của cộng đồng (với sự tham gia của hơn 200 cơ quan, đơn vị thuộc 4 quốc gia ven sông). Đó là một kết quả quan trọng của BDP và đã tỏ ra có hiệu quả sử dụng cao.

Tiếp cận theo tiểu vùng là có hiệu quả cả trên phương diện kỹ thuật cũng như về phương diện thể chế, đặc biệt thuận lợi cho sự hình thành và hoạt động của các Ủy ban/Tổ chức lưu vực sông (RBC/RBO).

Vấn đề phân tích quy hoạch theo kịch bản phát triển gặp nhiều khó khăn hơn vì đây là phương pháp mới, đặc biệt là đối với những người tham gia vốn quen với phương pháp quy hoạch theo tài nguyên truyền thống. Quá trình phân tích theo kịch bản phát triển của từng tiểu vùng và cho toàn lưu vực được định hướng khác nhau và liên kết chưa thật chặt chẽ.

Vấn đề tham gia của cộng đồng cần được tăng cường hơn trong quá trình quy hoạch.

Nghiên cứu và phân tích tiểu vùng cần được cập nhật thông tin thường xuyên.

Hoạt động của các nhóm công tác tiểu vùng là một thí dụ sinh động cho thấy việc liên kết của các hoạt động thể chế có liên quan tới các hoạt động mang tính chất xuyên biên giới.

2) Về các cuộc họp xuyên biên giới: Từ các cuộc họp xuyên biên giới được tổ chức trong BDP (đặc biệt là tập trung vào tháng 11/ 2004), cho thấy:

Các cuộc họp đã được tổ chức tốt và thu được những kết quả khả quan trong một khoảng thời gian ngắn (tương phản với việc thực hiện các phân tích tiểu vùng đã diễn ra quá dài so với thời gian dự kiến).

Những người tham gia đã nêu ra các vấn đề và thảo luận trong bầu không khí hữu nghị và thân thiện. Điều đó có nghĩa là mọi người đã hiểu rõ mục đích của việc đối thoại để đạt được những mục tiêu cụ thể.

Việc thực hiện thành công các cuộc họp xuyên biên giới chứng tỏ rằng vấn đề hợp tác xuyên biên giới là hoàn toàn có thể thực hiện được và là hữu hiệu từ cấp tiểu vùng.

Việc chuẩn bị tốt và với các mục đích, yêu cầu rõ ràng đã giúp cho các cuộc họp thành công.

Việc thu được các ý tưởng dự án xuyên biên giới thông qua các cuộc họp này cho thấy tầm quan trọng của việc xác định rõ Chiến lược IWRM cho toàn vùng hạ lưu vực Mê Công.

3) *Về hình thành Chiến lược*: Việc hình thành Chiến lược thông qua BDP giai đoạn 1 đã diễn ra trong một khoảng thời gian tương đối dài và thông qua nhiều cuộc họp tư vấn cấp quốc gia và cấp vùng. Quá trình này đã được thực hiện bắt đầu từ các kế hoạch phát triển của mỗi quốc gia, thông qua các hoạt động của BDP như phân tích ngành, nghiên cứu tiểu vùng, phân tích kịch bản để có được sản phẩm cuối cùng của BDP giai đoạn 1 là tài liệu định hướng chiến lược IWRM cho vùng hạ lưu vực Mê Công đã được thông qua tại cuộc họp toàn Hội đồng lần thứ 12 (tháng 12/2005). Những bài học kinh nghiệm là:

Điểm quan trọng của Định hướng chiến

lược là các giá trị thu được phải được chia sẻ giữa các nước thành viên và mục tiêu phát triển phải được các bên chấp nhận.

Mối tương tác giữa BDP và WUP (Chương trình Sử dụng nước) chưa đạt được mức hoàn thiện vì các mốc thời gian không đồng bộ. Tuy nhiên, BDP đã vượt qua và phát triển được mặc dù một số giả định ban đầu về nội dung của chương trình đã bị thay đổi trong quá trình thực hiện.

Định hướng chiến lược được hình thành qua một quá trình đối thoại thuận lợi giữa các chương trình của Ủy hội và các quốc gia. Tuy nhiên, nó vẫn còn cần được mở rộng đối thoại hơn với các đối tác khác.

Định hướng chiến lược đã góp phần tạo nên sự hình thành dự thảo chiến lược giai đoạn 2006 – 2010 của Ủy hội sông Mê Công. Tuy nhiên, vào giai đoạn cuối của BDP1 thì nó cần được xem xét lại và có những điều chỉnh cho phù hợp hơn sau khi chiến lược (2006 – 2010) được hoàn tất.

Việc tiếp tục mở rộng đối thoại với các nước nằm ở thượng lưu cũng như là trong các quá trình thực hiện của BDP là cần thiết để điều chỉnh chiến lược.

4) *Sự tham gia của cộng đồng*: Việc tham gia của cộng đồng là nội dung của Nguyên lý Dublin 2 “Phát triển và quản lý nước cần dựa trên sự tiếp cận tham gia của cộng đồng, bao gồm cả người sử dụng nước, các nhà lập quy hoạch và các nhà ra quyết định ở tất cả các cấp”. Những bài học kinh nghiệm trong lĩnh vực này là:

Các nước thành viên có những chính sách và phương thức tham gia cộng đồng

hoàn toàn khác nhau trong quá trình lập quy hoạch.

Những nội dung đối thoại của các vấn đề xuyên biên giới, đa ngành, phát triển chiến lược là khó khăn hơn so với việc đối thoại đơn ngành, trong mỗi quốc gia.

Sự tham gia của cộng đồng dựa trên những tài liệu hướng dẫn bằng tiếng Anh là không tỏ ra hữu hiệu lắm. Cần thiết phải được chuyển sang ngôn ngữ địa phương để mở rộng đối tượng sử dụng.

Có thể nhận thấy đối với toàn bộ hay hầu hết các cộng đồng dân cư trong vùng hạ lưu lưu vực Mê Công đều có sự quan tâm tới một hay một số nội dung trong Chương trình BDP.

Thủ tục tham gia của cộng đồng ở mỗi quốc gia còn cần phải được hoàn thiện.

Mặc dù quá trình tham gia của cộng đồng là mở đối với mọi thành phần song nó mới chỉ được thực hiện trong một giới hạn nhất định, có thể là do các chủ đề mới chỉ ở mức khái niệm nhiều hơn là các vấn đề cụ thể.

c. Công cụ và cơ sở kiến thức

Cơ sở kiến thức tốt sẽ làm tăng giá trị trong việc quản lý tổng hợp theo nhiều cách:

Có cái nhìn tổng quát để lựa chọn và xác định những ràng buộc.

Thấy được sự tương tác giữa phát triển kinh tế và bảo vệ tài nguyên.

Đưa ra những kịch bản phát triển phù hợp để kết quả phân tích được hợp lý.

Xác định sớm được các kịch bản tương đối phù hợp và giải pháp thực hiện (tránh được sự lãng phí về thời gian và nguồn lực).

Dự báo được đầy đủ những tác động và các hệ quả.

Phản ứng kịp thời và hiệu quả đối với những cơ hội và thách thức.

Nắm vững được các mối quan hệ nhân – quả, thách thức và cơ hội.

1) Vấn đề hệ thống dữ liệu

Cơ sở dữ liệu cần được thường xuyên cập nhật để có được những kiến thức mới, hướng phát triển mới và các thông tin mới.

Các khung thể chế IWRM của các quốc gia có sự khác nhau và có sự biến đổi mạnh về khuynh hướng, mức phát triển và sự thống nhất. Việc giám sát liên tục những thay đổi này là cần thiết để duy trì chúng.

Cần thiết có sự phối hợp giữa các chương trình, các phương thức để phát triển cơ sở kiến thức.

Vấn đề chất lượng của cơ sở kiến thức và các thông tin chứa đựng trong đó là rất quan trọng.

2) Bộ mô hình DSF

Bộ mô hình DSF (*Decision Support Framework*) đã được phát triển bởi WUP và đã được ứng dụng rộng rãi trong quá trình phân tích của BDP. Những ứng dụng này đã minh họa:

Giá trị của những thông tin chi tiết về các thông số dòng chảy, mực nước và cân bằng nước đối với các quyết định đa ngành.

Những kiến thức mở về các mối quan hệ nhân quả.

Những vấn đề của DSF cần được tiếp tục phát triển như nhu cầu tăng cường thông tin về lũ (chẳng hạn như phạm vi và thời gian ngập lũ), vấn đề chất lượng nước, vấn đề xâm nhập mặn ở vùng đồng bằng, vấn đề tổn thất nước trong tưới, cân bằng bùn cát và động lực hình thái sông của hệ thống sông nói chung

và của vùng Biển Hồ nói riêng, mối quan hệ giữa các đặc trưng thủy văn với chất lượng hệ sinh thái, sản lượng cá, mức độ đa dạng sinh học và các vấn đề kinh tế – xã hội khác.

3) Mô hình RAM

Mô hình RAM đã tổng hợp các số liệu thủy văn và kinh tế để cho phép người dùng tìm ra các giải pháp liên quan đến nước để đáp ứng các nhu cầu quy hoạch khác nhau. Nó cũng có thể sử dụng như một công cụ để đánh giá các kịch bản phát triển với một đơn vị tiêu chuẩn (dùng tiền để đánh giá). Mô hình RAM được phát triển để trợ giúp BDP trong hoạt động quy hoạch dựa trên việc phân tích các kịch bản phát triển. Cụ thể là RAM sẽ trả lời các câu hỏi:

Hoạt động kinh tế nào là chủ yếu trong vùng LMB?

Các hoạt động này diễn ra ở đâu?

Các hoạt động này có tác động gì đối với: (1) tiểu vùng, (2) quốc gia và (3) toàn lưu vực?

Các tác động bên trong và bên ngoài nào có ảnh hưởng tới sự thay đổi về cường độ mà trong đó có các hoạt động kinh tế diễn ra?

Ai là người được hưởng lợi?

Những dự án phát triển nào có thể làm tăng giá trị kinh tế mà không mâu thuẫn với các quy tắc sử dụng nước trong vùng LMB?

Ngoài các giá trị về mặt kinh tế, có thể tính toán được gì về giá trị của việc bảo vệ môi trường hoặc việc bảo vệ các hệ sinh thái quan trọng?

Bước tiếp theo của RAM sẽ là làm rõ các giá trị của nhu cầu nước với môi trường cũng như với các hoạt động dùng nước trong sông như ở vùng đất ngập nước, vùng ngập lũ, xâm nhập mặn, giao thông thủy... Những phân tích sâu hơn

của RAM cần được tiếp tục phát triển cho việc tìm ra các biện pháp giải quyết mâu thuẫn.

4) Công cụ đánh giá môi trường chiến lược (SEA), đánh giá tác động xã hội (SIA)

Những công cụ này – trong giai đoạn hiện nay của BDP – là các phương thức thực tiễn để đánh giá dự án ở mức tiền khả thi, bao gồm các tác động xã hội – môi trường và cả các tác động tích lũy của chúng.

Cả hai công cụ Đánh giá môi trường chiến lược (SEA/*Strategic Environmental Assessment*) và Đánh giá tác động xã hội (SIA / *Social Impact Assessment*) mới chỉ ở giai đoạn sơ bộ, kể cả ở mức chiến lược cũng như ở mức đánh giá các dự án ưu tiên. Chúng còn cần được tiếp tục phát triển.

5) Bộ bản đồ quy hoạch

Bộ bản đồ quy hoạch có tác dụng lớn đối với các hoạt động của BDP song nó cần được thường xuyên cập nhật như là một quá trình liên tục và nên được thực hiện ở mỗi quốc gia – với sự hỗ trợ của Ban Thư ký Ủy hội sông Mê Công (MRCS). Nó cần được phối hợp với việc cập nhật thường xuyên của Báo cáo hiện trạng lưu vực.

d. Vấn đề nâng cao năng lực

Trong giai đoạn 1 của BDP, vấn đề nâng cao năng lực đã có những thành công đáng kể. Tuy nhiên, nó còn có thể được làm tốt hơn, chẳng hạn như:

Sử dụng các ngôn ngữ địa phương, đặc biệt là ở mức tiểu vùng.

Các tài liệu kỹ thuật, các hướng dẫn... bằng ngôn ngữ địa phương sẽ có hiệu quả hơn.

Có sự phối hợp tốt hơn với các khoa đào tạo của các Chương trình MRC khác và với các tổ chức bên ngoài MRC.

Thích nghi với những nhu cầu đào tạo mới, nhất là đối với các Ủy ban/Tổ chức lưu vực sông (RBC/RBO).

Mở rộng năng lực đào tạo thông qua việc đào tạo trước cho các người hướng dẫn.

Thường xuyên đánh giá nhu cầu đào tạo.

Tăng cường sự phối hợp, chất lượng, công tác giám sát và tài liệu.

Các hoạt động đào tạo nếu chỉ tập trung vào vấn đề lý thuyết, khái niệm sẽ không có tác động đáng kể, do đó cần chú ý đến các công cụ sử dụng và thông qua những trường hợp nghiên cứu điển hình.

Một số vấn đề gợi ý sau đây nên được chú ý tới:

(1) *Những nội dung đào tạo liên quan đến quá trình quy hoạch:*

Kỹ năng giao tiếp, đàm phán và trình bày.

Quản lý các hội thảo kỹ thuật.

Điều phối, ngăn chặn và giải quyết mâu thuẫn.

Các kỹ thuật điều tra và nghiên cứu.

Phân tích đối tác và sự tham gia của cộng đồng.

(2) *Những nội dung đào tạo liên quan đến vấn đề kỹ thuật:*

Quản lý và quy hoạch chiến lược.

IWRM và quy hoạch lưu vực sông tổng hợp.

Phân tích thông tin và các tổng quan ngành.

Ứng dụng công cụ DSF, RAM.

Vấn đề xuyên biên giới và phân tích quan hệ nhân – quả.

Xác định và hình thành dự án.

Quản lý chu trình dự án và xác định khung logic của dự án.

Quản lý môi trường.

Tin học ứng dụng.

Cùng với các vấn đề trên đây, các Ủy ban sông Mê Công quốc gia cũng đã cung cấp thêm những bài học kinh nghiệm sau đây:

Cần tăng cường các hoạt động nâng cao năng lực nói chung, đặc biệt là cho các đối tượng thuộc cấp tiểu vùng.

Cần đẩy mạnh sự hỗ trợ về mặt kỹ thuật từ Ban Thư ký và của các chuyên gia quốc tế.

Các cuộc họp xuyên biên giới và song phương là những cơ hội tốt để tăng cường sự hợp tác giữa các quốc gia.

Cần tăng cường thêm các hoạt động mang tính chất vùng.

Các cuộc họp điều phối BDP cần được tăng thêm.

Việc sử dụng các hệ thống tài chính quốc gia cần được cải tiến.

Khi kết thúc giai đoạn 1 của Chương trình BDP, những sản phẩm chính sau đây đã được thực hiện:

Tài liệu định hướng chiến lược IWRM của vùng hạ lưu lưu vực Mê Công đã được thông qua.

Một cơ sở dữ liệu các dự án – chương trình liên quan đến tài nguyên nước của MRC đã được hình thành và tiếp tục hoàn thiện.

Một danh sách ngắn các dự án ưu tiên phát triển đã được duy trì và cập nhật liên tục.

Hình thành bước đầu các bộ công cụ và thống nhất quá trình đề xuất, lựa chọn, phân tích và phân loại các dự án.

Một hệ thống các công cụ và tài liệu hữu hiệu như Atlas xã hội, Atlas con người và môi trường, Atlas quy hoạch, bộ thư viện BDP đã sẵn sàng để phục vụ người sử dụng ở bên trong và bên ngoài BDP, MRCS và các Ủy ban sông Mê Công quốc gia.

Năng lực của cán bộ và các cơ quan

liên quan đã được nâng cao tại MRCS và các NMC.

Những kết quả chi tiết của Chương trình BDP Giai đoạn 1 có thể được tìm hiểu qua các tài liệu nêu trong phần Tài liệu tham khảo dưới đây cũng như qua trang Web của Ủy hội sông Mê Công ([programmes / bdp/ bdp.htm](http://programmes/bdp/bdp.htm)).

Có thể nói rằng: Để có được những kết quả như đã nêu trên của Chương trình BDP giai đoạn 1 là do có sự phối hợp chặt chẽ giữa các Ủy ban Mê Công quốc gia, các cơ quan liên quan trong

từng quốc gia, các đơn vị BDP của mỗi quốc gia... Đồng thời, Chương trình BDP cũng đã nhận được sự phối hợp chặt chẽ và có hiệu quả của các chương trình khác trong Ban Thư ký Ủy hội sông Mê Công như Chương trình Sử dụng nước, Chương trình Môi trường, Chương trình Thủy sản, Chương trình Lũ, Chương trình Giao thông thủy, Chương trình Thủy điện, Chương trình Tưới – quản lý lưu vực... với sự giúp đỡ của cộng đồng các nhà tài trợ (Đan Mạch, Thụy Điển, Thụy Sĩ, Australia và Nhật).

Tài liệu tham khảo

1. MRC-BDP (Sep 03). Quality plan. BDP guideline (draft). Mekong River
2. Commission, Basin Development Plan, revised February 2004.
- MRC-BDP (2003). Development of Resource Allocation and Optimisation Model. Final report on the development of the BDP RAOM. Prepared by Halcrow Group Ltd., October 2003. Mekong River Commission, Basin
3. Development Plan.
- MRC-BDP (Dec 02). Training needs assessment & BDP indicative training plan
4. for Cambodia and Lao PDR.
5. MRC-BDP (Jul 02). BDP Inception Report. 22 July 2002.
6. MRC-BDP (Jul 02). BDP Inception Report, summary. 12 July 2002.
- MRC-BDP (Jul 02). Report on BDP workshop on scenario formulation, Phnom Penh, 24-25 July 2002, with contributions by Brian Haisman, Mingsarn Kaosaard,
7. and Malcolm Wallace .
- MRC-BDP (Jul 03). Sub-area Forum 2: Approach and process for stakeholder
8. participation. BDP Stakeholder Participation Working Paper # 4.
9. MRC-BDP (Jun 03). Assessment framework for the BDP. Discussion Paper.
- MRC-BDP (Jun 03a). Framework for stakeholder participation in the formulation
10. of the Basin Development Plan. BDP Stakeholder Participation Working Paper 1
- MRC-BDP (Jun 03b). Sub-area Forum 1: Approach & process for stakeholder
- participation in sub-area analysis. BDP Stakeholder Participation Working Paper
11. # 3, revised July 2004.
12. MRC-BDP (Mar 03). Scenario formulation and assessment. Discussion Paper.
- MRC- BDP (Feb 04). Initial outline of basinwide development objectives & ele-
13. ments of an LMB Strategy. May 2003, revised 6 February 2004.
14. RC-BDP (May 04). Sub-area transboundary meeting. BDP guideline (draft).
15. MRC-BDP (Dec 04). Report on sub-area transboundary meetings.
- MRC-BDP (May 05). The BDP planning cycle following principles of Integrated
- Water Resources Management (IWRM). November 2002, revised 26 May 2005.

16. MRC-BDP (May 05). Project screening toolkit.
17. MRC-BDP (Dec 05). Strategic Directions for IWRM in the LMB. Final version
18. MRC-BDP (2006). The BDP planning process. BDP Library Volume 1. Mekong River Commission, Basin Development Plan. May 2005, revised February 2006.
19. MRC-BDP (2006). Sub-area analysis and transboundary planning. BDP Library. Volume 2. Mekong River Commission, Basin Development Plan. December 2004, revised January 2006.
20. MRC-BDP (2005). Scenarios for strategic planning. BDP Library Volume 4. Mekong River Commission, Basin Development Plan. March 2005, revised November 2005.
21. MRC-BDP (2005). Stakeholder participation. BDP Library Volume 5. Mekong River Commission, Basin Development Plan. July 2004, revised November 2005.
22. MRC-BDP (2005). Data system and knowledge base. BDP Library Volume 6. Mekong River Commission, Basin Development Plan. March 2005, revised December 2005.
23. MRC-BDP (2005). MRCS Decision Support Framework (DSF) and BDP applications. BDP Library Volume 7. Mekong River Commission, Basin Development Plan. March 2005, revised September 2005.
24. MRC-BDP (2005). Economic valuation of water resources (RAM Applications). BDP Library Volume 8. Mekong River Commission, Basin Development Plan. June 2005, revised December 2005.
25. MRC-BDP (2005): Social and environmental issues and assessments (SIA, SEA). BDP Library Volume 9. Mekong River Commission, Basin Development Plan. July 2004, revised December 2005.
26. MRC-BDP (2005): IWRM strategy for the Lower Mekong Basin. BDP Library Volume 10. Mekong River Commission, Basin Development Plan. December 2005.
27. MRC-BDP (2005). Monographs. BDP Library Volume 11. Mekong River Commission, Basin Development Plan. March 2005, revised December 2005.
28. MRC-BDP (2005). Project implementation and quality plan. BDP Library Volume 12. Mekong River Commission, Basin Development Plan. January 2006.
29. MRC-BDP (2005). National sector reviews. BDP Library Volume 13. Mekong River Commission, Basin Development Plan. October 2004, revised November 2005.
30. MRC-BDP (2005). Regional sector overviews. BDP Library Volume 14. Mekong River Commission, Basin Development Plan. November 2002, revised September 2005.
31. MRC-BDP (2005). Training. BDP Library Volume 15. Mekong River Commission, Basin Development Plan. December 2004, revised December 2005
32. MRC-BDP (2006). BDP Planning Atlas, 10 Sub – areas. March 2006.